

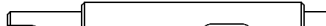
[illegible][illegible]

Loại <i>Type</i>	Vật liệu <i>Materials</i>	Độ cứng <i>Hardness</i>	Xử lí bề mặt <i>Surface Treatment</i>
TNSP	T.Đường SUJ2 <i>SUJ2 Equiv.</i>	55-62 HRC	Mạ Crom cứng HCr
CTNSP	S45C		<i>Hard Chrome Plating</i>
STNSP	SUS304		

Loại <i>Type</i>	Đường kính <i>Diameter</i>				H (Gia số 1mm) <i>(1mm Increment)</i>	B,C	d,e	RX, X	U, V
	Dung sai <i>Tolerance</i>	g6		h7					
		SUJ2	S45C	SUS304					
TNSP CTNSP STNSP	10	○	○	○	25-800	2 ≤ B ≤ d×4 2 ≤ C ≤ e×4	6 – 8	0 ≤ RX+X ≤ H B1 ≤ X ≤ 100	U, V ≤ 50 U(V) ≤ B(C)
	12	○	○	○	25-1000		6 – 10		
	13		○				6 – 11		
	15			○			6 – 13		
	16	○	○				6 – 14		
	20	○	○	○	25-1500		8 – 17		
	25	○	○	○			8 – 22		
	30	○	○				9 – 27		

The dimensions not mentioned the tolerances please refer to the standard tolerance in table 2 page 1.



Kích thước tùy chỉnh H <i>Customized length H</i>	Dung sai yêu cầu	Dung sai <i>Tolerance</i>	Áp dụng cho H <i>Apply to H</i>
	A	± 0.03	$H \leq 600$
	B	± 0.05	$H \leq 800$
	C	± 0.1	$H \leq 1000$

✱ Có thể yêu cầu dung sai cho kích thước này. (You may specify the tolerance based on this dimension)